

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt chương trình quản lý nợ công 3 năm giai đoạn 2020-2022
và kế hoạch vay, trả nợ công năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 13 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 86/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 87/2019/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2019 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2020; Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 8 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ về hạn mức bảo lãnh Chính phủ và hạn mức vay về cho vay lại năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại văn bản số 65 /TTr-BTC ngày 13 tháng 04 năm 2020 và văn bản số 5565/BTC-QLN ngày 8 tháng 5 năm 2020 về chương trình quản lý nợ công 3 năm giai đoạn 2020-2022 và kế hoạch vay, trả nợ công năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch vay, trả nợ công năm 2020 và dự kiến chương trình quản lý nợ công 3 năm giai đoạn 2020-2022 với nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu:

a) Đảm bảo nhiệm vụ huy động vốn vay để đáp ứng nhu cầu cân đối ngân sách nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội với mức độ chi phí - rủi ro phù hợp.

b) Kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu an toàn nợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong từng thời kỳ; phấn đấu đến cuối năm 2022, dư nợ công khoảng 51,4% GDP, nợ Chính phủ khoảng 46,2% GDP, cơ cấu nợ nước ngoài trong tổng nợ công ở mức 40-45%.

c) Thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn trong nước.

2. Dự kiến chương trình quản lý nợ công 3 năm giai đoạn 2020-2022

a) Về vay, trả nợ của Chính phủ

- Tổng mức vay của Chính phủ giai đoạn 2020-2022 khoảng 1.546,3 nghìn tỷ đồng, trong đó vay cho ngân sách trung ương khoảng 1.420,4 nghìn tỷ đồng, vay về cho vay lại khoảng 125,9 nghìn tỷ đồng.

- Cơ cấu huy động vốn của Chính phủ từ các nguồn trong nước khoảng 75-80% nhiệm vụ vay hàng năm, từ các nguồn nước ngoài khoảng 20-25%.

- Duy trì kỳ hạn phát hành trái phiếu Chính phủ bình quân hàng năm khoảng từ 6-8 năm.

- Chủ động bố trí nguồn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn, làm ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế của Chính phủ; đảm bảo chỉ tiêu nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với tổng thu ngân sách nhà nước hàng năm không quá 25%.

b) Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu nợ trái phiếu Chính phủ trong nước theo nguyên tắc nêu tại Điểm c Khoản 2 Điều 2 của Quyết định này.

c) Về bảo lãnh Chính phủ

- Đối với 2 ngân hàng chính sách, khống chế mức phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh tối đa bằng nghĩa vụ trả nợ gốc hàng năm.

- Hạn chế cấp bảo lãnh mới cho doanh nghiệp vay trong nước cũng như vay nước ngoài; hạn mức bảo lãnh vay trong nước, nước ngoài hàng năm đảm bảo tốc độ tăng dư nợ bảo lãnh Chính phủ không vượt quá tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội của năm trước.

d) Về vay, trả nợ của chính quyền địa phương: khống chế hạn mức bội chi và nợ của chính quyền địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, theo đó bội chi ngân sách địa phương năm 2020 khoảng 17 nghìn tỷ đồng, năm 2021 khoảng 15 nghìn tỷ đồng, năm 2022 khoảng 16,5 nghìn tỷ đồng (khoảng 0,2% GDP hàng năm). Nghĩa vụ trả nợ của chính quyền địa phương khoảng 42,8 nghìn tỷ đồng.

đ) Về hạn mức vay thương mại nước ngoài của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo phương thức tự vay, tự trả: kiểm soát tốc độ tăng dư nợ ngắn hạn tối đa 18-20%/năm; hạn mức vay ròng trung, dài hạn hàng năm tối đa khoảng 5.500-6.090 triệu USD, bảo đảm chỉ tiêu nợ nước ngoài của quốc gia trong giới hạn cho phép.

3. Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2020

a) Vay của Chính phủ 501.461 tỷ đồng, gồm: vay trong nước 394.040 tỷ đồng và vay nước ngoài 107.421 tỷ đồng, trong đó:

- Vay cho cân đối ngân sách trung ương: 458.046 tỷ đồng, trong đó vay để bù đắp bội chi 217.800 tỷ đồng, vay để trả nợ gốc 231.156 tỷ đồng và phát hành trái phiếu Chính phủ để nhận nợ với Bảo hiểm Xã hội 9.090 tỷ đồng.

- Vay về cho vay lại: 43.415 tỷ đồng.

b) Trả nợ của Chính phủ 366.689 tỷ đồng, trong đó trả nợ trực tiếp của Chính phủ 337.122 tỷ đồng, trả nợ của các dự án cho vay lại 29.567 tỷ đồng.

c) Về thực hiện tái cơ cấu nợ trái phiếu Chính phủ đáo hạn trong năm 2020, năm 2021:

- Thực hiện hoán đổi trái phiếu Chính phủ đáo hạn trong năm 2020, năm 2021 để hài hòa nghĩa vụ trả nợ, hạn chế rủi ro thanh khoản cho ngân sách nhà nước, góp phần kéo dài kỳ hạn danh mục nợ trái phiếu Chính phủ căn cứ vào danh mục nợ trái phiếu Chính phủ trong nước, tình hình thị trường vốn và nhu cầu của nhà đầu tư. Khối lượng trái phiếu Chính phủ phát hành để hoán đổi không thuộc tổng mức vay cho cân đối ngân sách trung ương quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này. Khối lượng hoán đổi, mua lại, lãi suất chiết khấu, phương thức hoán đổi, thời điểm tổ chức hoán đổi danh mục trái phiếu Chính phủ và các chi phí liên quan do Bộ Tài chính quyết định theo quy định của Luật Quản lý nợ công năm 2017, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo nguyên tắc không làm tăng tổng nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ quy về giá trị hiện tại tính theo giá thị trường.

- Đối với nghiệp vụ mua lại, Bộ Tài chính trình Chính phủ báo cáo Quốc hội trong báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2020, dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Khối lượng trái phiếu Chính phủ phát hành để mua lại thuộc tổng mức vay cho cân đối ngân sách trung ương quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này. Khối lượng mua lại, lãi suất chiết khấu, phương thức mua lại, thời điểm tổ chức mua lại trái phiếu Chính phủ và các chi phí liên quan do Bộ Tài chính quyết định theo quy định của Luật Quản lý nợ công năm 2017, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

d) Hạn mức vay được Chính phủ bảo lãnh và vay thương mại trung và dài hạn nước ngoài của các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng theo phương thức tự vay tự trả năm 2020, bao gồm:

- Mức bảo lãnh phát hành trái phiếu đối với 2 ngân hàng chính sách sẽ được xác định trên cơ sở Bộ Tài chính thẩm định hồ sơ đề nghị phát hành của 2 ngân hàng chính sách theo quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

- Rút vốn vay trong nước và nước ngoài của các doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh tối đa bằng nghĩa vụ trả nợ gốc trong năm.

- Hạn mức vay thương mại nước ngoài trung, dài hạn của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo phương thức tự vay, tự trả tối đa 6.090 triệu USD; tốc độ tăng dư nợ nước ngoài ngắn hạn khoảng 16-18% so với dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019.

đ) Kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương năm 2020

- Vay trong nước 2.940 tỷ đồng và vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ 26.542 tỷ đồng.

- Trả nợ của chính quyền địa phương 15.274 tỷ đồng, gồm chi trả gốc 12.482 tỷ đồng và chi trả lãi 2.792 tỷ đồng.

4. Tổ chức thực hiện

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ các quan điểm chỉ đạo và chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Đối với các khoản vay nước ngoài của Chính phủ cho chương trình, dự án, giao các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương khẩn trương phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2020 chi tiết theo danh mục, mức vốn bố trí của từng dự án, gửi phương án phân bổ đối với phần vốn nước ngoài cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi thực hiện và kiểm soát giải ngân theo dự toán.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Giao thông vận tải bố trí đủ vốn để thanh toán đầy đủ và đúng hạn các kỳ hạn nợ đến hạn từ 2021-2028 của Dự án La Sơn – Túy Loan và Dự án Quốc lộ 20, không để ảnh hưởng tiêu cực đến hệ số tín nhiệm quốc gia của Việt Nam và uy tín của Chính phủ. Các Bộ, ngành cần tăng cường phối hợp trong việc nghiêm túc thực thi các cam kết của Chính phủ, tránh tình trạng phối hợp không hiệu quả, không hết trách nhiệm dẫn đến việc chậm trả nợ.

- Thực hiện quản lý nhà nước, theo dõi, kiểm tra, giám sát, thanh tra, báo cáo và cung cấp thông tin về nợ công, nợ Chính phủ, nợ chính quyền địa phương theo quy định.

b) Bộ Tài chính:

- Xây dựng các Đề án Chiến lược nợ công giai đoạn 2021-2030 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; Đề án Kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 trình Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

- Triển khai nghiệp vụ cơ cấu lại danh mục nợ trái phiếu Chính phủ phù hợp với điều kiện thị trường.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về mức bảo lãnh phát hành trái phiếu cụ thể đối với Ngân hàng Chính sách Xã hội và Ngân hàng Phát triển Việt Nam năm 2020 căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, Quyết định này và đề án phát hành trái phiếu của các ngân hàng.

- Tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường vốn trong nước, thị trường trái phiếu Chính phủ cả về chiều rộng và chiều sâu theo hướng đa dạng hóa về sản phẩm và cơ sở nhà đầu tư, ưu tiên phát triển nhà đầu tư dài hạn và thu hút sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường vốn, thị trường trái phiếu.

- Đánh giá việc triển khai công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia căn cứ Quyết định 304/QĐ-TTg ngày 6 tháng 2 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, xây dựng Đề án nâng cao xếp hạng tín nhiệm quốc gia đến năm 2025 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Tăng cường năng lực quản lý nợ công theo quy định của Luật Quản lý nợ công năm 2017, trong đó tập trung đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng cán bộ, xây dựng cơ sở dữ liệu, thống kê; xem xét điều chỉnh phương pháp thống kê nợ nước ngoài của khu vực công và khu vực tư nhân theo nguyên tắc cư trú để phù hợp hơn với chuẩn mực quốc tế.

- Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nợ công.

- Nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt chủ trương điều chỉnh khuôn khổ quản lý nợ nước ngoài của quốc gia trong giai đoạn 2021-2025 theo hướng tách bạch quản lý nợ nước ngoài khu vực công và khu vực tư nhân, chỉ đề ra mức trần nợ công nước ngoài trên tổng dư nợ công; thiết lập chỉ tiêu cảnh báo (thay vì mức trần cứng) đối với chỉ tiêu trả nợ nước ngoài của khu vực công và khu vực tư nhân để có các biện pháp điều chỉnh kịp thời; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về biện pháp quản lý các khoản vay nước ngoài của Chính phủ và Chính phủ bảo lãnh.

c) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hạn mức nợ nước ngoài tự vay tự trả của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, bảo đảm trong hạn mức được phê duyệt.

- Phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt chủ trương điều chỉnh khuôn khổ quản lý nợ nước ngoài của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo phương thức tự vay, tự trả trong giai đoạn 2021-2025; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về biện pháp quản lý các khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng không được Chính phủ bảo lãnh.

5. Kinh phí triển khai thực hiện Chương trình quản lý nợ công 3 năm 2020-2022 lấy từ:

a) Nguồn kinh phí triển khai chương trình, nhiệm vụ được bố trí từ ngân sách nhà nước, huy động từ các nguồn vốn tài trợ nước ngoài và nguồn phí được sử dụng từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh theo quy định của Luật Quản lý nợ công 2017, Nghị định 91/2018/NĐ-CP về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, Nghị định 94/2018/NĐ-CP về nghiệp vụ quản lý nợ công và Quyết định số 05/2016/QĐ-TTg ngày 5 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý sử dụng phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính giai đoạn 2016 - 2020.

b) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, cân đối vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để triển khai thực hiện Chương trình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- TTgCP, các Phó TTgCP;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
các Vụ: PL, QHQT, CN, NN, KGVX,
ĐMDN, NC, QHĐP, TH;
- Lưu: VT, KTTH (2)

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc